

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HS-ST

Ngày 13-02-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trí Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phẩm

Ông Lê Thành Tam

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hoàng Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa:
Ông Trần An Khương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 72/2024/TLST - HS ngày 11 tháng 12 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2024/QĐXXST - HS ngày 25 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/HSST-QĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Trần Anh K, sinh ngày 15 tháng 7 năm 2003, tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Vĩnh Long. Trú tại: ấp Lh, xã LA, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1979 và bà Trần Kim C1, sinh năm 1980; chưa có vợ con; anh, chị, em ruột: 02 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2012. Tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân: bị cáo chưa có án tích, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 16/8/2024 đến nay và có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thành L, sinh ngày 03 tháng 4 năm 2003, tại xã HL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Trú tại: ấp HA, xã HL, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc P, sinh năm 1979 và bà Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1982; có vợ là Nguyễn Thu T, sinh năm 2003 (đã mất), chưa có con; anh, chị, em ruột có 03 người: lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2014. Tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: bị cáo chưa có án tích, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo hiện đang bị bắt, tạm giữ từ ngày 01/9/2024 đến ngày 03/9/2024 chuyển sang áp dụng biện pháp tạm giam đến nay

và có mặt tại phiên tòa.

3. Võ Chí Q, sinh ngày 25 tháng 10 năm 1994, tại huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Trú tại: ấp TP, xã TLH, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn C2, sinh năm 1972 và bà Phan Thị H, sinh năm 1975; chưa có vợ con; anh, chị, em ruột có hai người: lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2003. Tiền án: 02; ngày 16/11/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã TA, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành án xong ngày 21/9/2019; ngày 07/7/2020, bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 05 năm tù giam về tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành án xong ngày 26/4/2024; tiền sự: không. Nhân thân: bị cáo có án tích chưa được xóa; ngày 07/4/2017, bị Tòa án nhân dân huyện M áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 24 tháng; chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác và có mặt tại phiên tòa.

4. Huỳnh Công Đ, sinh ngày 28 tháng 3 năm 2004, tại huyện TN, tỉnh Đồng Tháp. Trú tại: ấp HT, xã XH, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh, giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Công Q1, sinh năm 1974 và bà Trần Thị D, sinh năm 1977; chưa có vợ con. Tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: bị cáo không có án tích, không bị xử lý vi phạm hành chính, không bị xử lý kỷ luật đã được xóa. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và hiện có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Cao Minh H, sinh năm 1984 (có đơn vắng mặt)

Trú tại: ấp AH, xã TAH, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Nguyễn Tân T, sinh năm 2001

Trú tại: Ấp 7, xã Tân An Luông, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. Phan Thị H, sinh năm 1975

Trú tại: ấp TP, xã TLH, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Trần Anh K và bị cáo Nguyễn Thành L là bạn bè với nhau, do không có tiền tiêu xài nên rủ nhau đi tìm tài sản để trộm cắp.

Vào khoảng 10 giờ, ngày 06/8/2024, bị cáo L đem theo túi xách chứa một cây đoản, một cò lê số 8, một cò lê số 10 được bị cáo K điều khiển xe mô tô hiệu Citia (biển số xe đã bị rút mất) chở đi dọc các tuyến đường thuộc địa phận huyện M để tìm xe mô tô lấy trộm. Khi chạy ngang trường tiểu học Bình Phước A thuộc ấp PLT, xã BP, huyện M, tỉnh Vĩnh Long thì phát hiện trong sân trường có nhiều xe mô tô đậu không người trông coi nên cả hai hội ý rồi lái xe vào sân trường, bị cáo L bước xuống xe hỏi bị cáo K lấy xe nào, K trả lời “lấy đại đi”; bị cáo L đi đến vị trí xe mô tô biển số 64G1 – 307.78, nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX FI của anh Cao Minh H. Bị cáo L lấy nón bảo hiểm trên xe để qua xe ở gần đó rồi dùng cây đoản để bẻ khóa xe mô tô biển số 64G1 – 307.78 rồi khởi động máy điều khiển xe

tẩu thoát khỏi hiện trường; bị cáo K điều khiển xe mô tô hiệu Citia theo sau khoảng 1km thì đổi xe cho nhau rồi lái xe vào đoạn đường đất thuộc ấp TB, xã TL, huyện M. Bị cáo K dừng xe, kêu bị cáo L đưa cờ lê cho K để tháo gương chiếu hậu, biển số xe 64G1 – 307.78 rồi K mở cốp xe lấy gang tay, dây sạc điện thoại, áo mưa, mắt kính ném xuống sông Cái Sao thuộc ấp TB; số tiền 60.000 đồng trong cốp xe thì K đưa cho L đổ xăng xe của K. của K. Sau đó, cả hai điều khiển đến một ngôi nhà hoang thuộc xã TL, huyện M, tỉnh Vĩnh Long để nghỉ ngơi.

Tại đây, K lấy điện thoại chụp hình xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe RSX FI, màu đỏ đen rồi điện thoại cho bị can Huỳnh Công Đ kêu Đ tìm chỗ cầm xe không giấy Đ hỏi “xe gì” thì K gửi hình xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe RSX FI, màu đỏ đen, cho Đ xem xe thì Đ biết xe này là xe do K trộm cắp mà có Đ nói “đợi chút”. Đ điện thoại cho bị can Võ Chí Q hỏi có cầm xe không, Q hỏi Đ “cầm xe gì, bao nhiêu tiền”, Đ nói “không biết”, Q mới kêu Đ “đem xe xuống xem rồi tính”. Khoảng 15 phút sau, Đ điện thoại lại cho K kêu K chạy xe xuống bờ Liệt Sỹ thuộc ấp CV, xã TLH, huyện M, tỉnh Vĩnh Long rồi Đ ra đón. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, K điều khiển xe xuống đến bờ Liệt Sỹ nhưng không thấy Đ nên K đã điện thoại cho Đ thì Đ đã gửi định vị cho K đến nhà trọ MT thuộc ấp TP, xã TLH, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; đồng thời, Đ cũng điện thoại báo cho Q biết. Khi K điều khiển xe đến nhà trọ MT thì gặp Đ đang đứng trước cổng nhà trọ, Đ hướng dẫn cho K chạy xe vào nhà trọ MT, Đ chỉ chỗ cho K đậu chiếc xe ở nhà xe trước Phòng trọ số 7. Lúc này Đ lại xem xe thì K nói với Đ “xe này công chuyện, cất kỹ kỹ” rồi cả hai cùng vào phòng số 7 của Nguyễn Tấn T, sinh năm 2001, nơi cư trú: Ấp 7, xã TAL, huyện M, tỉnh Vĩnh Long thuê ở trong phòng. Q đang ở trong phòng trọ số 6 cũng đi ra ngoài xem xe mô tô 64G1 - 307.78 thì biết xe mô tô là do K trộm cắp là mà có. Sau khi xem xe xong Q đi đến phòng trọ số gặp K, Đ để thỏa thuận việc mua bán xe mô tô 64G1 - 307.78, còn T thì đang chơi game và K thống nhất bán chiếc xe mô tô 64G1 - 307.78 với giá 1.000.000 đồng; Q đồng ý mua, Q trả tiền cho K 1.000.000 đồng và nói “xe này như vậy là đứt đuôi nghe, không liên quan nữa nghe mậy” rồi Q mới hỏi K “xe này mày đá ở đâu, nói thiệt đi để tao biết” (có nghĩa là Q hỏi K chiếc xe mà K bán cho Q là K đã lấy trộm ở đâu), K trả lời “xe ở Cần Thơ” rồi Q đi về phòng trọ số 6 của Q đang ở. K tiếp tục ngồi ở phòng trọ số 7 nói chuyện với Đ, còn T thì chơi game. K hỏi Đ “Lấy tiền cò không” Đ trả lời “không lấy” nên K nhờ Đ đưa về nhà nhưng Đ không chịu, K điện thoại cho Hồ Tuấn A, sinh năm 2001, nơi cư trú: ấp TH, xã TL, huyện M, tỉnh Vĩnh Long đến rước K. Khoảng 10 phút sau K tiếp tục nhờ Đ đưa về Đ đồng ý và điều khiển xe đưa K về, trên đường đi K gặp Tuấn A và kêu Tuấn A chở K về khu nhà hoang ở xã TL rồi Tuấn Anh về nhà. Tại đây, K đã điện thoại kêu L đến chia cho L số tiền 400.000 đồng, K 600.000 đồng rồi cả hai đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau đó, Đ quay trở về Nhà trọ MT nghỉ thì Q điện thoại kêu Đ chạy chiếc xe mô tô 64G1 - 307.78 về nhà của Q thuộc ấp TP, xã TLH, huyện M, tỉnh Vĩnh Long thì Đ đồng ý, rồi Đ nhờ T điều khiển chiếc xe mô tô 64G1 - 307.78 chạy về nhà của Q, Đ thì điều khiển chiếc xe của Q cùng về nhà của Q. Khi đến nhà của Q thì gặp bà Phan Thị H (mẹ ruột của Q), T đậu xe trong nhà bà Hai, rồi Đ chở T quay về Nhà trọ MT.

Sau khi mua chiếc xe của K, Q đã lên mạng xã hội đặt mua một biển số xe giả

(64GA - 063.55) rồi gắn vào xe mô tô 64G1 - 307.78. Đến ngày 11/8/2024, Q liên hệ với chị Nguyễn Thị Mỹ T3, sinh năm 1991 thuộc ấp GA, xã TAL, huyện VL, tỉnh Vĩnh Long là chủ cơ sở dán DECAL đến nhận xe và dán tem lại cho chiếc xe mô tô 64G1 - 307.78 thì Mỹ T3 đồng ý. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 14/8/2024, T3 dán tem xong rồi trả lại cho Q đem về nhà cất giữ.

Sau khi sự việc xảy ra, bị hại Cao Minh H đến Công an xã BP, huyện M để trình báo sự việc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mang Thít đã làm việc với Nguyễn Trần Anh K, Nguyễn Thành L, Huỳnh Công Đ và Võ Chí Q. Qua làm việc thì cả K, L, Đ, Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng, đồ vật và tài sản thu giữ gồm:

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX FI, màu sơn đỏ đen, số máy: JA52E0004710, số khung: RLHJA3859KY002045 cũ đã qua sử dụng.

- 01 chiếc xe mô tô Citia, số máy FMH 00026523, số khung 2PKAH – 016523, màu đen, không có biển kiểm soát.

- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô số 005271, biển số 64G1 – 044.06.

- 01 (một) biển kiểm soát 64GA – 063.55.

- 01 (một) điện thoại OPPO A35, kiểu máy CPH 1805; số sê-ri 65d5238d, màu đen, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động Oppo A15, kiểu máy CPH 2185, số sê-ri 99P7BQFEQ4P7EERG, không có mặt lưng phía sau, đã qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, kiểu máy SM-J600G/DS, số sê-ri R58K64DG4F; IMEI 1: 358465091393044; IMEI 2: 358466091393042, đã qua sử dụng. Bên trong máy có gắn 02 (hai) sim số, gồm: Sim thứ nhất số 0923.108.859, Sim thứ hai số: 0333.078.159.

Ngày 16/8/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mang Thít đã tổ chức truy tìm vật chứng ở đoạn sông Cái Sao. Kết quả truy tìm được 01 (một) biển kiểm soát 64G1307.78; 01 (một) sợi dây cáp sạc điện thoại màu trắng; 01 (một) cái bao tay màu da (bên tay trái) nên Cơ quan điều tra tạm giữ để xử lý.

Đối với các dụng cụ như cây đoản, 01 cờ lê 8, 01 cờ lê 10, bị can L khai nhận sau khi lấy trộm được xe mô tô 64G1 - 307.78. Trên đường tẩu thoát đã làm rách mắt nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 24/KLĐGTS ngày 16/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Mang Thít, kết luận như sau:

- 01 chiếc xe mô tô biển số 64G1 – 307.78, nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX FI, màu sơn đỏ đen, số máy JA52E-0004710, số khung RLHJA3859KY002045, xe mua vào năm 2019, có giá trị còn lại: 13.585.000 đồng.

Giá trị tài sản tại thời điểm xảy ra vụ trộm: 13.585.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Ngày 16/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mang Thít ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra lệnh bắt tạm giam đối với Nguyễn Trần Anh K; ngày 03/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện

Mang Thít ra quyết định khởi tố bị can, ra lệnh tạm giam đối với Nguyễn Thành L, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngày 27/8/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mang Thít ra quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Võ Chí Q; ngày 29/10/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mang Thít khởi tố bị can và ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Huỳnh Công Đ, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

* Về vật chứng và đồ vật thu giữ:

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave RSX FI, màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 64G1 - 307.78; 01 (một) sợi dây cáp sạc điện thoại màu trắng; 01 (một) cái bao tay màu da (bên tay trái). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mang Thít đã chứng minh đây là tài sản bị hại Cao Minh H. Hiện nay anh H đã nhận lại tài sản xong.

- 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Citia, số máy: FMH 00026523, số khung 2PKAH - 016523, màu đen, không có biển kiểm soát; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô số 005271, biển kiểm soát 64G1 - 044.06. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mang Thít đã chứng minh đây là tài sản do anh Nguyễn Thanh L1, sinh năm 1977, cư trú: ấp LH2, xã LM, huyện M đã bán lại cho chị Trần Kim C1, sinh năm 1980 là mẹ ruột của bị can K (chưa làm thủ tục sang tên). Việc bị cáo K mượn để lại rồi dùng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội thì chị C1 hoàn toàn không biết. Hiện nay chị C1 đã nhận lại tài sản xong.

- 01 (một) biển số 64GA - 063.55; 01 (một) điện thoại Oppo A3S; 01 (một) điện thoại di động Oppo A15, kiểu máy CPH 2185 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, kiểu máy SM-J600G/DS, bên trong máy có gắn 02 (hai) sim số, gồm: sim thứ nhất số 0923.108.859, sim thứ hai số: 0333.078.159. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mang Thít đã chứng minh là tài sản của các bị cáo Q, K, L. Các điện thoại trên là phương tiện dùng để liên hệ để thực hiện hành vi phạm tội nên tiếp tục tạm giữ chờ xử lý.

* Về trách nhiệm dân sự:

Anh Cao Minh H hiện nay đã nhận lại các tài sản và không yêu cầu các bị can phải bồi thường gì.

Đối với Nguyễn Tấn T, vào ngày 06/8/2024 đang ở phòng trọ số 7 của T thì Q, K, Đ có đến phòng của T để trao đổi mua bán xe T đang chơi nên không biết, đến khi giao dịch mua bán xe xong T mới biết xe K bán cho Q là K trộm cắp mà có. Do đó hành vi của T chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với Phan Thị H vào ngày 06/8/2024, bà Hai đang ở nhà thì T và Đ chạy xe đến, đậu trong nhà thì bà H hoàn toàn không biết xe mô tô biển kiểm soát 64G1 - 307.78 là do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKS.HMT ngày 10 tháng 12 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít đã truy tố các bị cáo Nguyễn Trần Anh K và Nguyễn Thành L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự

năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Võ Chí Q về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Huỳnh Công Đ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: bảo lưu quan điểm bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo K, L phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: xử phạt Nguyễn Trần Anh K từ 09 tháng đến 01 năm tù; áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, s, i khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: xử phạt Nguyễn Thành L từ 09 tháng đến 01 năm tù đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Q, Đ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323, các điểm h, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: xử phạt Võ Chí Q từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù và áp dụng Điều 56 tổng hợp hình phạt của Bản án hình sự số 125/2024/HSST, ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện TB xử phạt bị cáo Q 05 (năm) năm tù về tội tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng và 08 (tám) năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy; áp dụng khoản 1 Điều 323, các điểm h, s, i khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: xử phạt Huỳnh Công Đ từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 03 năm. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại Oppo A3S; 01 (một) điện thoại di động Oppo A15, kiểu máy CPH 2185 và 01(một) điện thoại di động hiệu Samsung, kiểu máy SM-J600G/DS, tịch thu tiêu hủy 02 (hai) sim số, gồm: sim thứ nhất số 0923.108.859, sim thứ hai số: 0333.078.159 và 01 (một) biển số 64GA - 063.55. Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại: Bị hại không yêu cầu nên miễn xét; về khoản tiền thu lợi bất chính đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo K nộp lại 600.000 đồng, bị cáo L nộp lại 400.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước. Án phí hình sự sơ thẩm: Đề nghị áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Ý kiến của bị cáo K tại phiên tòa: Do cần tiền tiêu xài nên bị cáo đã cùng bị cáo L lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX FI của anh H có giá trị 13.585.000 đồng. Bị cáo bị truy tố, xét xử là không bị oan. Bị cáo là người rủ L và chuẩn bị công cụ phạm tội, bị cáo có sử dụng chất ma túy.

Ý kiến của bị cáo L tại phiên tòa: Do cần tiền tiêu xài nên bị cáo đã cùng bị cáo K lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX FI của anh H có giá trị 13.585.000 đồng. Bị cáo bị truy tố, xét xử là không bị oan. Bị cáo có sử dụng chất ma túy, công an giữ của bị cáo một điện thoại di động.

Ý kiến của bị cáo Q tại phiên tòa: Do tư lợi cá nhân nên bị cáo đã tiêu thụ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX FI mà bị cáo K, bị cáo L lấy trộm

của anh H. Bị cáo bị truy tố, xét xử là không bị oan. Chiếc xe bị cáo đã trả cho bị hại.

Ý kiến của bị cáo Đ tại phiên tòa: Bị cáo biết xe K định bán là phạm pháp; bị cáo đã liên hệ, giúp sức bị cáo Q tiêu thụ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave RSX FI mà bị cáo K, bị cáo L lấy trộm của anh H. Bị cáo bị truy tố, xét xử là không bị oan; bị cáo không được chia tiền trong vụ án.

Lời sau cùng các bị cáo K, L, Q, Đ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tất cả các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng từ giai đoạn phát hiện tội phạm đến điều tra, truy tố, xét xử; các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Không có khiếu nại từ phía người tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại do bị hại có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử xét thấy bị hại đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời khai nhận tội của các bị cáo L, K tại phiên tòa đã phù hợp với lời khai của bị cáo tại hồ sơ; phù hợp với lời khai của bị hại về số lượng và chủng loại tài sản bị chiếm đoạt; bị cáo Đ, bị cáo Q thừa nhận biết rõ xe moto bị cáo K bán là tài sản phạm pháp. Do đó Cáo trạng số 01/CT-VKS.HMT ngày 10 tháng 12 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít đã truy tố các bị cáo Nguyễn Trần Anh K và Nguyễn Thành L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Võ Chí Q về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Huỳnh Công Đ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, không oan sai. Tính chất vụ án là nghiêm trọng, các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo gây ảnh hưởng đến sinh hoạt của mọi người, làm mất trật tự tại nơi gây án. Các bị cáo là những đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy và liên quan đến chất ma túy.

Do đó, việc xử lý nghiêm minh đối với các bị cáo là cần thiết để lập lại trật tự chung.

Trong vụ án có đồng phạm và thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Vai trò của các bị cáo được phân tích như sau:

- Trong vụ án trộm cắp tài sản: Hành vi trộm cắp tài sản là bị cáo K chủ động rủ rê bị cáo L và chuẩn bị công cụ, phương tiện để thực hiện tội phạm. Bị cáo cũng là người chủ động chia tài sản có được sau phạm tội. Do đó, vai trò của bị cáo lớn hơn bị cáo L. Đối với bị cáo L, bị cáo là người thực hiện tội phạm dưới sự hỗ trợ công cụ, phương tiện phạm tội do K chuẩn bị. Nên hình phạt của bị cáo cũng phải

tương xứng với hậu quả do hành vi gây ra.

- Trong vụ án tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có: Bị cáo Đ không trực tiếp mua tài sản nhưng bị cáo biết và giới thiệu cho Q mua tài sản. Đ và Q đều biết tài sản định mua là tài sản do phạm tội mà có nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi. Do đó, bị cáo Q giữ vai trò chính, bị cáo có nhân thân xấu nên hình phạt phải cao hơn bị cáo Đ. Bị cáo Đ với vai trò giúp sức cho Q thực hiện hành vi nên cũng cần xử lý bị cáo với mức hình phạt tương xứng.

[2.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[2.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, các bị cáo đã thật thà khai nhận về hành vi phạm tội của mình, tài sản đã thu hồi giao trả bị hại nên hậu quả của vụ án có phần hạn chế; các bị cáo K, L Đ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo Đ và bị cáo L thuộc gia đình có truyền thống cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ pháp luật quy định; Hội đồng xét xử có xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu, chứng cứ và lời khai các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung và biện pháp khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[2.4] Về xử lý vật chứng: Biển số xe 64GA - 063.55 và 02 (hai) sim số, gồm: sim thứ nhất số 0923.108.859, sim thứ hai số: 0333.078.159 không còn giá trị sử dụng bị tịch thu tiêu hủy. Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại Oppo A3S; 01 (một) điện thoại di động Oppo A15, kiểu máy CPH 2185 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, kiểu máy SM-J600G/DS.

[3] Về trách nhiệm dân sự và bồi thường thiệt hại: Bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường tài sản và không có yêu cầu khắc phục hậu quả nên không xem xét.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần. Bị cáo Q đã bị Tòa án nhân dân huyện TB kết án: việc tổng hợp hình phạt là cần thiết để đảm bảo cho việc thi hành án

[6] Về biện pháp tư pháp: buộc bị cáo K nộp 600.000 đồng, bị cáo L nộp lại 400.000 đồng tiền thu lợi bất chính do việc bán tài sản của bị hại mà có để sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trần Anh K, Nguyễn Thành L phạm tội “Trộm cắp tài sản”; tuyên bố các bị cáo Võ Chí Q, Huỳnh Công Đ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Anh K 01 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt

được tính kể từ ngày 16/8/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt Nguyễn Thành L 10 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày 01/9/2024.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt Võ Chí Q 03 năm tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 125/2024/HSST, ngày 30/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện TB xử phạt bị cáo Q 05 (năm) năm tù về tội tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng và 08 (tám) năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, buộc bị cáo Q chấp hành hình phạt chung là 16 năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày 05/9/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo K, L, Q.

Áp dụng khoản 1 Điều 323, các điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt Huỳnh Công Đ 01 năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính kể từ ngày Cơ quan Thi hành án Hình sự Công an huyện Mang Thít nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Huỳnh Công Đ cho UBND xã XH, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã XH, huyện TO, tỉnh Vĩnh Long trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung, không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Đ.

Biện pháp tư pháp: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 buộc bị cáo Nguyễn Trần Anh K nộp lại 600.000 đồng, bị cáo Nguyễn Thành L nộp lại 400.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại Oppo A3S; 01 (một) điện thoại di động Oppo A15, kiểu máy CPH 2185 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, kiểu máy SM-J600G/DS, tịch thu tiêu hủy 02 (hai) sim số, gồm: sim thứ nhất số 0923.108.859, sim thứ hai số: 0333.078.159 và 01 (một) biển số 64GA - 063.55.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/12/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

3. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: không xem xét.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng

cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Công an, Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND, Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã Long An, HL;
- UBND xã TLH, XH;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Trí Trường